

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2023/ HNGĐ- ST

Ngày 14/9/2023

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thành

Bà Trần Thị Hoa

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Mai Hương- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2023/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1998.

Nơi ĐKKHKT: Vành Liệt, xã B, thành phố C, tỉnh H.

Nơi ở hiện nay: Khu 3, phường B, thành phố C, tỉnh H.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu dân cư B, phường H, thành phố C, tỉnh H.

Chị T vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), anh B vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Chị T và anh B kết hôn ngày 22-9-2020, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố C, tỉnh H. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương.

Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh B tại khu dân cư B, phường H, thành phố C, tỉnh Hải D. Thời gian đầu, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 4 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở, anh B cũng không tìm đón chị về chung sống. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong cách sinh hoạt và nuôi dạy con cái hàng ngày. Kể từ ngày chị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống anh B cũng không quan tâm và tìm đón chị. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh B. Theo anh B: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị không hợp nhau, cuộc sống gia đình bí bách, không khí gia đình lúc nào cũng ngột ngạt, vợ chồng thường xuyên căng thẳng. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn chị T với điều kiện chị T phải kê tài sản của vợ chồng ra.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Bùi Diệu N, sinh ngày 05/8/2021 hiện cháu đang sinh sống cùng chị T. Khi ly hôn, chị T đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Hiện tại, chị mở quán làm spa tại nhà, thời gian làm việc giờ hành chính, không cố định với mức thu nhập trung bình 8.000.000đồng/tháng. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Ngoài ra chị không bao giờ ngăn cản việc thăm nom con chung của anh B. Về tài sản chung, nợ: Chị T và anh B xác định có tài sản chung, nợ và đã tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Đ - mẹ chị T trình bày: Sau khi anh B chị T kết hôn, anh chị có về sống cùng bố mẹ đẻ anh B. Ban đầu cuộc sống của anh chị bình thường. Đến tháng 4 năm 2023, anh chị xảy ra mâu thuẫn và chị T về nhà tôi sinh sống. Từ khi chị T về nhà tôi sinh sống anh B cũng không tìm đón và quan tâm chị T. Bà đề nghị Tòa án cho anh chị ly hôn, cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông bà sẽ hỗ trợ chị trong việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Qua xác minh với phó khu dân cư B - phường H xác định: Quá trình mâu thuẫn giữa chị T và anh B địa phương không nắm được. Chỉ xác định được khoảng đầu năm 2023, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn V, xã B, thành phố C, tỉnh H sinh sống.

Tại phiên tòa:

Chị T và anh B đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thoa. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn B. Về con chung: Giao con chung Bùi Diệu N, sinh ngày 05/8/2021 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2023 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị T. Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết. Về án phí: chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Hoàng Thị T khởi kiện xin ly hôn đối với anh Bùi Văn B có địa chỉ: Khu dân cư B, phường H, thành phố C, tỉnh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Bùi Văn B là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, chị T và anh B đều vắng mặt và chị T có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh B.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Bùi Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Ngay từ khi bắt đầu sinh sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không tin tưởng nhau trong cuộc sống hàng ngày. Bất đồng về việc sinh hoạt hàng ngày, làm ăn kinh tế, cư xử với hai bên. Tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà đến tháng 4 năm 2023, chị T đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Anh chị không còn quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế từ đầu năm 2023 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh B là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy:

Anh chị có một con chung là Bùi Diệu N, sinh ngày 05/8/2021. Hiện tại cháu N đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét điều kiện, hoàn cảnh của chị T, anh B thấy rằng: Chị T hiện làm lao động tự do, thu nhập bình quân 8.000.000/tháng có thời gian, điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh B hiện làm lái xe đường dài chủ yếu đi làm vài ngày mới về nhà không có điều kiện nuôi dưỡng con chung. Nguyên vọng nuôi dưỡng con chung của chị là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của người làm cha làm mẹ. Do cháu N ở với chị T từ nhỏ và hiện đang ở cùng chị T vẫn được chị T chăm sóc tốt nên giao cháu N cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2023 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị T tự nguyện không yêu

cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Do vậy anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị T là phù hợp điều kiện hoàn cảnh của anh chị và phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình tiếp tục giao con chung Bùi Diệu N cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi mới đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

2.3]. Về cấp dưỡng: Xét chị T tự nguyện không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị nên cần được chấp nhận.

2.4]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị T và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T ly hôn anh Bùi Văn B.

- Về con chung: Giao con chung Bùi Diệu N, sinh ngày 05/8/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh B có quyền và nghĩa vụ gấp gờ, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đặt giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đ chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2022/0000531 ngày 17/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- UBND phường B, thành phố C(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân Anh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thành Trần Thị Hoa

Nguyễn Thị Vân Anh

